Mô hình Use case QUẢN LÝ BÁN HÀNG

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

1542282 – Nguyễn Văn Trọng

1542289 – Nguyễn Thị Trí Tuệ

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 12/12/2016 | 1.0 | Tài liệu mô tả Use case | 1542289 – Nguyễn Thị Trí Tuệ |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 3](#_Toc369450773)

[2. Danh sách các Actor 3](#_Toc369450774)

[3. Danh sách các Use-case 3](#_Toc369450775)

[4. Đặc tả Use-case 3](#_Toc369450776)

[4.1 Đặc tả Use-case “Tên Use-case” 3](#_Toc369450777)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Nhân viên | Nhân viên bán hàng |
| 2 | Quản lý | Nhân viên quản lý |
| 3 | Admin | Nhân viên hệ thống |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Đăng nhập | Đăng nhập hệ thống |
| 2 | Nhớ mật khẩu | Lưu lại usename & password lần cuối cùng đăng nhập |
| 3 | Xem thông tin phần mềm |  |
| 4 | Thoát |  |
| 5 | Hỗ trợ trực tuyến |  |
| 6 | Mua hàng |  |
| 7 | Bán hàng |  |
| 8 | Chuyển kho |  |
| 9 | Đổi mật khẩu |  |
| 10 | Thu tiền |  |
| 11 | Trả tiền |  |
| 12 | Cập nhật phần mềm |  |
| 13 | Hướng dẫn sử dụng | Hướng dẫn sử dụng phần mềm |
| 14 | Đăng ký | Đăng ký sử dụng phần mềm |
| 15 | Thống kê tồn kho |  |
| 16 | Báo cáo kho hàng |  |
| 17 | Quản lý nhân viên |  |
| 18 | Thêm nhân viên |  |
| 19 | Cập nhật thông tin nhân viên |  |
| 20 | Xóa nhân viên |  |
| 21 | Quản lý tỷ giá |  |
| 22 | Thêm tỷ giá |  |
| 23 | Cập nhật tỷ gía |  |
| 24 | Xóa tỷ giá |  |
| 25 | Quản lý bộ phận công ty |  |
| 26 | Thêm bộ phận công ty |  |
| 27 | Cập nhật thông tin bộ phận công ty |  |
| 28 | Xóa bộ phận công ty |  |
| 29 | Quản lý hàng hóa |  |
| 30 | Thêm hàng hóa |  |
| 31 | Cập nhật thông tin hàng hóa |  |
| 32 | Xóa hàng hóa |  |
| 33 | Báo cáo bán hàng |  |
| 34 | Quản lý chứng từ |  |
| 35 | Quản lý nhóm hàng |  |
| 36 | Xóa nhóm hàng |  |
| 37 | Cập nhật thông tin nhóm hàng |  |
| 38 | Thêm nhóm hàng |  |
| 39 | Quản lý đơn vị tính |  |
| 40 | Xóa đơn vị tính |  |
| 41 | Cập nhật thông tin đơn vị tính |  |
| 42 | Thêm đơn vị tính |  |
| 43 | Quản lý nhà cung cấp |  |
| 44 | Cập nhật thông tin nhà cung cấp |  |
| 45 | Xóa nhà cung cấp |  |
| 46 | Thêm nhà cung cấp |  |
| 47 | Quản lý kho hàng |  |
| 48 | Xóa kho hàng |  |
| 49 | Cập nhật thông tin kho hàng |  |
| 50 | Thêm kho hàng |  |
| 51 | Quản lý khách hàng |  |
| 52 | Xóa khách hàng |  |
| 53 | Cập nhật thông tin khách hàng |  |
| 54 | Thêm khách hàng |  |
| 55 | Quản lý khu vực |  |
| 56 | Thêm khực |  |
| 57 | Cập nhật thông tin khu vực |  |
| 58 | Xóa khu vực |  |
| 59 | Quản lý người dùng |  |
| 60 | Thêm người dùng |  |
| 61 | Cập nhật thông tin người dùng |  |
| 62 | Xóa người dùng |  |
| 63 | Nhật ký hệ thống |  |
| 64 | Phục hồi dữ liệu sao lưu |  |
| 65 | Sao lưu dữ liệu |  |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case “Tên Use-case”

### Tóm tắt

*Tóm tắt ngắn gọn về Use-case (ai sử dụng use-case, dùng use-case để thực hiện chức năng gì, ý nghĩa của use-case…)*

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

*Trình bày dòng sự kiện chính của Use-case, từ khi Use-case bắt đầu thực hiện đến khi chấm dứt dòng sự kiện chính*

*Nên đánh số thứ tự các bước trong dòng sự kiện chính*

#### Các dòng sự kiện khác

*Trình bày các dòng sự kiện khác. Nếu không có dòng sự kiện khác, ghi “Không có”*

### Các yêu cầu đặc biệt

*Ghi nhận các yêu cầu đặc biệt khi thực hiện Use-case. Nếu không có yêu cầu đặc biệt nào, ghi “Không có”*

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)*

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

*Mô tả rõ tình trạng hệ thống sau khi thực hiện Use-case (bao gồm cả trường hợp Use-case thực hiện thành công, hoặc thất bại).*

### Điểm mở rộng

*Mô tả những tình huống xuất hiện các Use-case khác có quan hệ <<extend>> với Use-case đang xét.*